

SỐ 1515

LUẬN KINH  
KIM CANG BÁT-NHÃ  
BA-LA-MẬT  
PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT HOẠI  
GIẢ DANH

*Tác giả: -Bồ-tát Công Đức Thí.*

*Hán dịch: -Đời Đường Sa-môn Địa Bà Ha La.*

QUYỂN THƯỢNG

*Cúi lạy bậc Ngộ pháp chơn thật  
Đã lia phân biệt và hí luận  
Nhằm khiến thế gian vượt bần lây  
Từ chỗ không lời, Ngài giảng nói  
Mọi tà luận ngoại đạo tạo tác  
Với mọi chấp, sai lầm của họ  
Dù khó phá, Kim Cang cũng đoạn  
Con hết lòng, hướng pháp môn này  
Bao lời văn, nghĩa lý sâu dày  
Trí thế tục không thể nào hiểu  
Nêu dụ dạy con và chúng sinh  
Chúng Bồ-tát, chân thành kính lạy.*

Tất cả giáo pháp Phật nói ra đều qui về hai đế. Một là Tục đế. Hai là Chân đế. Tục đế, là gọi tất cả các phàm phu Thanh văn, Độc Giác,

Bồ-tát Như Lai... cho đến các danh nghĩa, nghiệp quả, cảnh trí và các thứ liên hệ với nó.

Chân đế, tức là mọi thứ đều không nắm bắt được. Như nói Đệ nhất nghĩa, thì đó không phải là chỗ của trí hoạt động, huống là-văn tự, cho đến không nghiệp, không nghiệp quả đó là chủng tánh của Thánh nhân (chư Phật). Thế nên, trong Bát-nhã Ba-la-mật này nói bố thí không trụ tâm. Tất cả pháp đều không tướng, không thể giữ lấy, không thể nói. Sinh-Pháp là vô ngã, không có gì là đặc, không có người chứng quả, không có sự thành tựu, không từ đâu lại, cũng không đi về đâu v.v... Đó là giải thích về Chân đế.

Lại nói bên trong, bên ngoài, thế gian và xuất thế gian; tất cả các pháp tướng và mọi công đức.. tất cả những thứ đó lập nên Tục đế. Nên biết như thế.

“Tôi nghe như vậy: ... Là chỉ rõ kinh này, do chính Thế Tôn hiện đã giác ngộ, nói ra, chẳng phải là tự đặt.

“Một thuở nọ”, tức là lúc nói kinh này. Còn các thời khác, lại nói vô lượng Kinh khác. “Tại thành Xá Vệ v.v...” là nói nơi nói Kinh này. Đưa ra lời chõn, có ý nghĩa gì làm, có lợi ích cho chúng sinh? Lợi ích thế nào?

Là khiến ai nấy đều biết chỗ Phật đã dừng nghỉ ở đó, để phát sinh lòng tôn kính thanh tịnh, gieo trồng nhân phước đức.

Ở đầu của tất cả kinh, đều nêu rõ số chúng nghe pháp, là nói điều gì? Là nói đại oai đức của Như Lai. Lại người kết tập muốn chứng minh, những điều đã truyền lại đây không khác với lời Phật đã nói. Trong các Kinh Đại thừa, thường nói rộng về công đức của Bồ-tát và Thế Tôn. Thầy Tu-bồ-đề đã sinh lòng tin thanh tịnh đối với kinh pháp này, thế nên, nói là “rất hiếm có v.v...” Trong đó, danh hiệu “Thế Tôn” là chỉ người có khả năng trừ sạch vĩnh viễn bốn thứ ma sợ hãi.

“Thiện Thệ”, tức là đối với Đệ nhất nghĩa, tất cả pháp đều không có gì là đặc, mà tự chứng biết.

“Như Lai”, là phải trải qua ba lần vô số kiếp, phước đức và trí tuệ được vẹn toàn đầy đủ, mãi như thế mà lại thành Chánh Giác. “Ứng”, là tất cả phiền não, oán đã dứt hẳn. “Chánh”, nghĩa là chẳng điên đảo. “Đẳng” (bậc), có nghĩa là trùm khắp và đầy đủ. Thế nên gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hộ niệm có hai thứ:

1. Được Như Lai hộ niệm thâm nhận khiến cho ngộ chơn thật.
2. Khiến cho giáo hóa, cứu độ, vô lượng chúng sanh. Gọi chung đó

là Hộ niệm đệ nhất.

- Đã biết Hộ niệm rồi, vì sao Phó chúc? Vì có người chưa thấy chơn thật. Ở đây cũng có hai: Một là vì Bồ-tát ở khắp thế gian, sẽ được thành Như Lai, có thể tướng được tôn quý nhất. Như thế mà dạn dò khen ngợi, các Thiện tri thức, khiến họ chăm sóc hộ trì khiến những ai đối với Phật pháp đã phát sinh, thì được an trụ và tăng trưởng. Hai là vì những ai chưa sinh được pháp thù thắng, thì khích lệ, dạy dỗ cho họ được phát sinh. Gọi chung đó là Phó chúc đệ nhất.

Lại vì lý do Phật bỏ người đã thấy chân thực mà khen ngợi người chưa thấy? Vì thương những người chưa được trí huệ thù thắng và các phẩm thiện; để khuyến răn, dạy bảo, khiến cho tâm họ dũng mãnh tinh tiến.

“Các thiện nam thiện nữ, phát tâm hướng về hạnh Bồ-tát thừa...”. Nghĩa là các Bồ-tát được hộ niệm và phó chúc hướng về Phật thừa.

“Nên trụ như thế nào v.v...? Trụ như thế nào?” Là đối với các hình tướng quả báo nào để tâm trụ mong cầu. “Tu hành như thế nào?” là nên tu những hạnh nào, để được quả ấy. “Hàng phục tâm như thế nào?” Tức là phải hàng phục, phải làm chủ những tâm nào, khiến cho nhân được thanh tịnh?

Thông thường các pháp thì trước nói nhân, sau mới nói quả. Tại sao ở đây lại nói quả trước? Vì khen ngợi công đức của quả trước, sẽ khiến mọi người vui mừng, hăng hái tiến tu nhân ấy.

“Lắng nghe”, là chú tâm vào một chỗ. “Thiện” là đối với thật lý của chánh pháp, tin tưởng không chút nghi ngờ. “Nghĩ nhớ”, là kính cẩn giữ mãi không quên. “Nên trụ như thế” v.v... là như thứ lớp, đối với quả như thế, mà trụ tâm vào đấy. Tu những hạnh như thế, thì tức khắc sẽ chứng được quả vị đó, sẽ đạt được kết quả đó. Phải hàng phục, tâm mình như thế tức là đã tạo nhân thanh tịnh.

Ở đây, chỉ rõ quả vị Bồ-tát, có bốn thứ tâm tương ứng lợi ích; đó là:

1. Vô biên.
2. Tối thượng.
3. Ái nhiếp.
4. Chánh trí.

Thế nào là tâm Vô biên? Kinh nói: Hết cả các loại chúng sinh, v.v... Nói loại chúng sinh, nghĩa là có hơi thở, gió, có tình thức, có tri giác. Là sao? Tức các loài để trứng như chim v.v... loài thai sanh như người v.v..., loài ẩm thấp sinh như các loại côn trùng v.v... loài hóa

sinh như các Trời v.v... Như thế bốn loại, thì mỗi loại đều có nhiều tộc loại. Bốn loài chúng sinh đó, ở chỗ nào và lấy cái gì làm thể? Kinh nói: “Hoặc có sắc, hoặc không sắc.” Có sắc nghĩa là có hình dạng, vô sắc nghĩa là không có hình dạng. Chúng sanh trong ba cõi đều được Bồ-tát gồm thấu hết. Hữu hình (có hình dạng) nghĩa là hai mươi chỗ y chỉ (nương tựa dừng trụ) của cõi Dục. Mười bảy chỗ y chỉ của cõi sắc. Vô hình (không có hình dạng) đó là cõi Vô sắc. Đây còn có nhiều loại. Kinh nói: “Hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng...”

“Có tướng”, tức là không vô biên xứ, thức vô biên xứ, là nơi khởi lên tướng không và tướng thức (biết).

“Không tướng”, tức là vô sở hữu xứ, lìa chút ít các tướng, nên gọi là không tướng.

“Chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng”, tức là thuộc về Hữu dẫn, hết thấy tụ chúng sinh đó, ta đều nhiếp thọ (thâu nhận dạy dỗ) như vậy.

Thế nào là tâm Tối thượng? Kinh nói: “Ta đều khiến cho nhập vào Niết-bàn Vô dư, mà diệt độ”.

Niết-bàn Vô dư là nghĩa thế nào? Tức là thấu suốt thật rõ các pháp không sinh, tánh nó là không, chấm dứt hẳn mối nguy hại các uẩn của tất cả hữu, đạt được mọi thọ dụng vô biên công đức hiếm có, sắc tướng thanh tịnh rtang nghiêm viên mãn, nghiệp dụng tốt đẹp vô tận rộng độ chúng sinh.

Thế nào là tâm Ái nhiếp? Kinh nói: “Như thế diệt độ vô lượng chúng sinh, nhưng thật ra không có chúng sinh nào được diệt độ cả.” Nghĩa này là thế nào? Tức là Bồ-tát từ bi, thương yêu tất cả chúng sinh như yêu chính thân mình. Chúng sinh diệt độ, tức là chính ta diệt độ chứ chẳng phải ai khác. Đó gọi là ái nhiếp.

Nếu là Đệ nhất nghĩa đi vào Sơ địa vv... thì các Bồ-tát không còn tướng chấp chúng sinh, vì không có gì có thể được gọi là chúng sinh. Như người tu hành quả Dự lưu không khởi thân kiến, chứ không phải Bồ-tát kia thấy có một chúng sinh nào để mình hóa độ cả!

Thế nào là tâm Chánh trí? Kinh nói: “Nếu có tướng chấp chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát v.v...”

Nếu không gọi là Bồ-tát thì gọi là gì? Gọi là phàm phu. Tại sao? Vì Bồ-tát đó nhất định mê muội ở Đệ nhất nghĩa, mà khởi lên các tướng về chấp là Ngã, là Chúng sinh, là mạng, là Thủ giả (chủ thể giữ lấy) nếu người chứng chân thật Đệ nhất nghĩa thì nhất quyết không hề sinh

ra các tướng chúng sinh, tướng ngã v.v.. Ở đây, nhờ sức Bát-nhã mà chúng được Đệ nhất nghĩa, tất cả chúng sinh đều không có gì có thể được gọi là chúng sinh (bất khả đắc). Nhưng vì tâm đại bi, nên Bồ-tát luôn đi theo chúng sinh, ở trong sinh tử, tùy thích nghi mà dẫn dụ, hóa độ. Như vậy, bốn loại làm lợi ích chúng sinh là quả, ứng với dùng Tục đế mà trụ tâm mình vào đó. Còn Nhân quả bốn thứ tâm này viên mãn như thế nào, tiếp sẽ thuận theo chỉ rõ.

Thế nên, kinh nói: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ ở sự mà bố thí v.v...” Trong tên gọi Bố thí này đã bao gồm cả sáu pháp Ba-la-mật. Thí có ba thứ gồm thâu cả sáu pháp. Những gì là ba? Một là Tư sinh thí. (Tài thí). Hai là Vô úy thí. Ba là Pháp thí.

Tư sinh thí gồm trong Đàn Na Ba-la-mật. Vô úy thí gồm thâu hai thứ: Thi la (giới) và Sằn-đề (nhẫn) Ba-la-mật, tức là đối với việc ác, chưa làm đã làm thì không sinh sợ hãi nữa. Pháp thí gồm thâu ba pháp Ba-la-mật còn lại. Như siêng năng, chẳng lười nhác (tinh tấn) dẫn đến đạt được các thần thông (Định). Hoặc dùng trí vô sở đắc (trí tuệ của pháp không có gì có thể gọi là chúng đắc) vì người thuyết, hoặc là diễn giải cho mọi người hiểu biết tất cả các pháp Ba-la-mật... đó đều là Pháp thí cả.

Nói “Sự” nghĩa là gì? Thế nào là không trụ ở sự? Là tự thân. Thân này luôn có vô biên sự việc vui khổ v.v... Không trụ tức là tâm không mê đắm yêu thích, vướng víu vào sự đó. “Không có gì để trụ” (vô sở trụ), tức là tâm chẳng mong sự báo ân.

“Chẳng trụ vào sắc, thính v.v...” là tâm không mong cầu có được cảnh, vật, vừa ý mình. Vì nghĩa gì, mà chẳng trụ vào sự? Vì tâm còn nghĩ về mình, thì không thể Bố thí được. Hơn nữa bố thí mà còn mong cầu, thì làm thoái mất tâm Bồ đề. Vả lại “chẳng trụ vào sự...”, là dựa vào Tư sinh thí, mà nói. Nghĩa là người bố thí, người được bố thí, và của cải bố thí, của ba thứ này tâm đều không yêu thích vướng mắc. Yêu thích nào thực hành bố thí tâm nhất định sẽ sinh khổ (khó chịu), hoặc khi cho rồi, sẽ rất hối tiếc. Vô sở trụ mà bố thí, là dựa vào Vô úy thí mà nói. Nghĩa sự là các Bồ-tát, khi tu hành Nhẫn nhục và Trì giới, không nên sinh tâm cầu mong quả báo. “Chẳng nên trụ nơi sắc v.v...” là dựa vào Pháp thí mà nói. Pháp thí có hai loại quả báo, tức quả báo ở hiện đời và quả báo ở đời khác. Trong cả hai quả đó, đều không hề yêu thích, vướng mắc. Quả báo hiện đời, là thọ hưởng đầy đủ những sắc v.v... năm cảnh. Ý ở đây là thế nào? Tức là người thuyết pháp, sẽ được mọi người tôn kính, quý mến, rồi đem tất cả mọi thứ đẹp đẽ về sắc chất

vv... như ca múa âm nhạc, hương hoa, thức ăn uống, y phục ... đến cúng dường. Còn quả báo ở đời khác, căn cứ vào pháp cảnh mà nói. Thế nào là ở trong đó mà không trụ? Là khi các Bồ-tát chứng pháp chơn thật, cho đến pháp thân, cũng không được trụ chấp.

Thế nào là tu nhân sáu hạnh Ba-la-mật, được thanh tịnh? - Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên như thế mà bố thí, tức chẳng trụ vào tướng của các tướng vv... Đấy có nghĩa gì? Tức là Bồ-tát, tu hành trong Đệ nhất nghĩa, thì mọi tướng về người cho, người nhận, vật đem cho, danh nghĩa, cảnh, trí đều không sinh. Ấy là làm chủ tâm mình, nhân do đó thanh tịnh.

Hoặc có người bảo: Có người bố thí v.v... sẽ được phước đức. Ba sự đều quên mất, thí phước ở chỗ nào, hay là họa? Đây vì nói đạt được Đệ nhất nghĩa, nên chẳng trụ nơi tướng. Vì theo Tục đế nên bố thí. Như vậy thì được phước rất nhiều, khó thể tính lường được, như khoảng không gian khắp mười phương mênh mông vô tận. Trước nhân nơi hành Xứ (phương diện thực hành) thì ứng với việc khen ngợi phước đó, còn đây là nói làm thế nào hàng phục tâm để các tướng dừng sinh. Khi các tướng ấy không sinh, thì bố thí mới thật là thanh tịnh. Do nhân thanh tịnh, nên có phước vô biên.

Văn Kinh từ đây trở xuống, đều có hỏi đáp, để dẹp bỏ các thắc mắc, nghi ngờ và nói về uy lực của phước đức, khi thọ trì chánh pháp Uy lực phước đức ấy, giúp thành tựu tất cả các pháp tu hành Người tu hành tùy ý tự tại, vì nhân quả ấy luôn luôn là tướng thanh tịnh Như Lai tạng tánh của tất cả chúng sinh và cảnh giới Phật thấy được tướng của pháp giới, pháp thân Phật Không trụ ở Niết-bàn quán sát các pháp hữu vi, như Thế Tôn đã nói.

Tôn giả Tu-bồ-đề có nghi hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát khi bố thí, pháp cũng chẳng trụ thì làm sao vì được thân tướng đẹp kia mà hành bố thí? Với thân tướng trăm phước và vô số công đức pháp tụ họp lại, mới gọi là Thế Tôn. Nếu không trụ ở pháp, thì làm thế nào, mà thành được thể tướng của chư Phật? Để giải trừ điều nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thấy nghĩ sao? Có nên lấy tướng thành tựu mà quán xét Như Lai chăng? Thưa không, Bạch Thế Tôn! v.v...” Vì tướng thành tựu là vô thường. Như kinh nói: “Phàm những vật nào có hình tướng đều là hư vọng cả. Các tướng chẳng phải tướng, tức chẳng phải hư vọng”. Chẳng phải hư vọng là chơn thật. Vì chơn thật nên gọi là Như Lai. Nếu còn các tướng, thì là lừa dối và không thật. Như kinh nói: “Hãy nên lấy, cái tướng chẳng phải tướng mà quán xét Như Lai”. Tức là tướng ấy, tìm

cầu, không có gì có thể được tướng ấy. Nếu có thể xa lìa sự mong cầu về quả báo; cả đến pháp thân cũng không có gì có thể được, rồi mãi mãi như vậy, chẳng trụ vào đâu mà bố thí, thì đối với Phật thân chắc chắn sẽ nhanh chóng được hoàn thành.

Thầy Tu-bồ-đề lại còn nghi ngờ hỏi: Nếu như ba thứ bố thí đều không có gì có thể đạt được, mới là nhân thanh tịnh, hiểu rõ các tướng tánh của nó là không, là quả chơn thật, thì đối với đời sau, có ai sẽ tin tưởng, ưa thích, đem không không mà nói như cô gái đá chăng? Thế nên hỏi: Lại có chúng sinh nào ở đời vị lai, sau năm mươi năm, lúc pháp sắp diệt mất, nghe kinh này có sinh thật tướng không? Để xưa tan thờ vực đó, kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Chớ nên nói thế, Sau năm mươi năm, là người sống khoảng trăm năm, đem chia làm hai phần, năm mươi năm đầu, sức giáo hóa còn mạnh mẽ, càng về sau sẽ suy yếu dần. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, thì gọi là đời vị lai. Khi đó, là lúc chánh pháp sắp hết, sức giáo hóa yếu dần, nên mới nói là sau năm mươi năm.

Bồ-tát Ma Ha Tát nghĩa đó là gì? Là Bồ-tát có quyết tâm, hướng đến quả Bồ-đề và Ma Ha Tát là nguyện làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Thế nào gọi là người có Thi la? Là ở đời quá khứ, gặp vô lượng chư Phật đều đến cúng dường. Cúng dường có ba thứ: Một là hầu hạ ở bên cạnh; Hai là cung phụng các thứ cần thiết luôn sẵn sàng và đầy đủ; Ba là hỏi han, thừa hành các pháp yếu để có thể giữ gìn, bảo hộ lời răn dạy nên gọi là Thi la. Cũng gọi là luôn giữ gìn, thật tốt sáu căn. Có ba thứ Thi la:

Một là Thi-la lìa bỏ, tức là lìa bỏ mười nghiệp ác.

Hai là Thi-la luôn làm, tức là luôn tu hành các hạnh nghiệp của đạo Bồ Đề.

Ba là Thi la hướng đến Đệ nhất nghĩa.

Thế nào gọi là người có công đức? Tức là người gieo trồng ba thiện căn như: không tham vv..., thực thà, ngay thẳng dịu dàng và trí tuệ, từ bi vv..., đó gọi là công đức.

Thế nào gọi là người có trí tuệ? Tức là hiểu rõ Sinh và Pháp, (chúng sinh và pháp) hai thứ đều vô ngã. Nên hiểu biết như thế để lìa bỏ tám tướng của Sinh và Pháp. Mỗi loại có bốn thứ tướng.

Lìa Sinh tướng. Kinh nói: “Thế nên, các Bồ-tát không có ngã tướng, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ mạng, không có tướng thủ giả”. Đây có nghĩa gì? Có dụng về chủ thể, thì gọi là Ngã. Xét kỹ, sẽ thấy rõ các uẩn không có thể tướng riêng, nên không có Ngã tướng

an trú ở thường tánh gọi là chúng sinh. Các uẩn là vô thường, liên tục biến đổi, chuyển dời; không có một pháp nào có tánh yên trụ. Cho nên, không có tướng chúng sinh. Như có kinh nói: “Các ông thấy rõ trong từng sát na, đều có đủ sinh, già và chết, nên không có tướng mạng. Các uẩn luôn tuần hoàn, nhận chịu cảnh sống trong các cõi khác nhau nên gọi là Thủ giả (chủ thể nhận lấy) trong đó không có người nào có thể giữ lấy các cõi, mà phải bỏ các uẩn của đời hiện tại, để nhận lấy các uẩn ở đời sau, cũng như bỏ áo cũ và mặc áo mới vào. Tuy nhiên, nương vào Tục đế, ví như do nơi chất, mà có hình tượng, chất không đến với hình tượng; nhưng vẫn có hình tượng hiện ra. Do có uẩn đời trước mới có các uẩn ở đời sau, nối tiếp sinh ra mãi. Cái trước chẳng trực tiếp đến với cái sau, nhưng cái sau vẫn có sự tiếp tục. Thế nên các Bồ-tát không có tướng thủ giả. Đây gọi là hiểu rõ Sinh là tánh vô ngã.

Lìa các tướng Pháp (tướng về pháp), kinh nói: “Không có tướng pháp tướng, cũng không tướng phi pháp; không tướng cũng không phi tướng”. Đây là sao? Vì pháp Đệ nhất nghĩa vốn xưa nay không sinh, cho nên không có tướng pháp. Vì chẳng có sinh cho nên cũng chẳng có diệt, do vậy cũng không có tướng phi pháp. Khi đã phân biệt mà lìa pháp và phi pháp rồi, nên gọi là không có tướng. Các không tướng nói đây, là để chỉ rõ cái không có tướng; chứ chẳng phải có pháp mà gọi là phi tướng (chẳng phải tướng). Lại nữa, Đệ nhất nghĩa là lìa tất cả tướng, nhưng tùy thuận cách nói năng ở thế gian, nên nói là có tướng. Thế nên các Bồ-tát cũng chẳng phải là không có tướng. Đây gọi là hiểu rõ tính của Pháp là vô ngã. Vì sao chỉ nói có Thi la trì giới, gieo trồng các căn lành, mà có thể khởi lòng tin sâu xa vào trí tuệ, thấy rõ pháp chơn thực và phát sinh thật tướng?

Vì Thi la (giới) gồm thâu hết thấy tất cả các công đức.

Lại do nghĩa nào mà nói: Với tri kiến khiến cho các Bồ-tát có lòng hăng hái mạnh mẽ? Kẻ ấy bảo: “Tôi nay đã tin hiểu được Tri kiến của Như Lai, nên có thể chuyên cần tu hành các pháp lành”.

Tại sao lại nói cả hai thứ Biết và Thấy (tri kiến)?

Là vì muốn nói rõ về Nhất Thiết Trí. Nghĩa là sao? -Vì với Nhất Thiết Trí, thì đối với mọi cảnh giới tự nhiên hiện ra rõ ràng trước mắt và biết liền, không như cái trí biết thường, là phải so sánh, thấy khó mới biết là có lửa, nên không thể thấu suốt được sự khác nhau của các tướng. Nó cũng không phải như mắt thịt, chỉ thấy được những vật to lớn gần gũi, còn những chướng ngại vi tế hoặc việc ở xa xôi thì không thể nào biết được, chỉ có cách nói theo việc hoặc nói như vậy.



Nếu các Bồ-tát khởi lên các tướng Ngã và các tướng Pháp, thì có lỗi lầm gì? Vì nó sẽ là nguyên nhân sinh ra các chấp ngã v.v...

Vì sao các tướng ngã v.v... sinh ra các chấp ngã v.v...? Vì nếu sinh ra các chấp này thì tức là có các tướng ấy.

Thế nào là các tướng pháp v.v...sinh ra các chấp ngã v.v...? Vì ngã và ngã sở trong uẩn khởi lên các tướng pháp và tướng phi pháp, chẳng phải là cái vô ngã của cây đá v.v....

Kinh nói: “Chẳng nên giữ pháp, chẳng nên giữ phi pháp” - Đó là nghĩa gì? Tức là phải lìa bỏ cả hai bên, pháp và phi pháp. Vì pháp có đủ tánh tướng còn không nên giữ, huống là phi pháp, vốn không có tánh tướng.

Còn về “không phân biệt”, là thiện như pháp mà còn chẳng giữ, huống là bất thiện phi pháp? Hoặc nghĩ: Bất thiện thì không nên giữ, tại sao lại chẳng giữ pháp thiện? Nếu pháp thiện cũng chẳng giữ thì tại sao Phật phải trải qua ba vô số kiếp, chứa nhóm các tư lương? Thế nên, kinh nói: “Vì nghĩa đó, nên Như Lai thường nói: Thí dụ như chiếc bè. Nói pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp”. Nghĩa thế nào? Tức là muốn sang sông trước nên giữ lấy thuyền bè, khi đã đến bờ kia rồi thì phải bỏ bè mà đi. Thế Tôn cũng thế, muốn độ các ngu khổ kia thì phải mượn nhờ thuyền bè là tư lương phước đức, để vượt qua tất cả quả khổ, lên bờ Niết-bàn, cái nhân vui còn phải lìa bỏ, huống là nhân khổ. Như kinh Tượng Hiếp nói: Nếu ra khỏi sinh tử, chứng vào cảnh giới Niết-bàn, thì mọi nhân pháp, phi pháp quả ái, phi ái thấy đều bỏ.

Lại có nghĩ: Nếu khi chứng quả mà pháp và phi pháp đều xả bỏ, thì vì sao Như Lai, lại dùng một niệm tương ứng với Chánh trí, hiện giác ngộ các pháp, mà nói pháp có pháp? Để giải nghi ngờ này, nên kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có chứng được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có nói pháp không? v.v...” Là có ý nói nghĩa gì?

Đây là chỉ rõ Thế Tôn đã chứng cái chơn thật là không có pháp nào có thể giữ lấy. Nói các pháp, đấy là tùy thuận theo thế tục mà nói, không phải là Đệ nhất nghĩa. Nếu pháp và phi pháp đều không có gì có thể giữ lấy, tức là dựa vào Tục đế mà nói, tên Bồ đề cũng chẳng phải là vật thật. Như đã nói ở Đại Phạm thiên, chư Phật Như Lai chứng Bồ đề, gọi đó là không chỗ chứng đắc. Nếu không chỗ chứng đắc, tại sao Như Lai có các việc đã làm?

Ấy là vì bốn nguyện của Như Lai. Mọi lúc mọi nơi đều làm lợi ích cho quần sinh. Khi Ta đã thành Chánh giác thì lìa các phân biệt, không

còn khởi niệm nữa, cho đến các chúng sinh vẫn còn trong Sinh Tử thì tùy theo chủng loại, sự ưa thích chẳng giống nhau, hình dạng, tiếng nói mà ứng hiện khác nhau. Nhưng đối với các pháp tánh, đều không có gì có thể được. Đó là chứng được Bồ đề, cũng gọi là pháp thân. Pháp thân Bồ Đề là không có gì có thể được. Tuy không khởi niệm, nhưng vì các nguyện lực vẫn như xưa, nên có vô biên sắc màu, dáng vẻ, trang nghiêm cho thân Ngài và biến hiện đi khắp mười phương cõi nước, vẫn không chướng ngại. Hễ ai có thấy nghe, đều được lợi ích lớn.

Tôn giả Tu-bồ-đề, vì nhờ pháp Bồ Đề vô sinh, nên đã ngầm ý đáp: Không có một chút pháp nào mà Như Lai được cả, chẳng phải vì vô sinh mà không chứng quả hiện tiền, như kinh đã nói: Pháp của Như Lai nói đều không thể giữ lấy, cũng không thể nói chẳng phải pháp cũng chẳng phải phi pháp. Nghĩa là sao?

“Vô sinh” là chẳng phải pháp, cũng chẳng phải phi pháp. Pháp và phi pháp đều là đối tượng của phân biệt cả.

“Chẳng thể giữ lấy, chẳng thể nói”, là không thể lấy và nói được, vì đã chứng cái không có gì có thể được. Như kinh nói: “Nhờ tướng Vô vi mà gọi tên là Thánh nhân”. Vô vi có nghĩa là không có gì có thể được. “Tướng vô vi” có nghĩa là tự tánh của không có gì có thể “Thánh nhân”, là người thấy nghĩa chơn thật.

Thầy Tu-bồ-đề lại nghĩ: Nhờ có Thi la (trì giới), mà sinh lòng tin sâu sắc vào kinh này, thì phước ấy được bao nhiêu? Thế cho nên sẽ rộng nói về oai lực của sự thọ trì pháp. Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Nếu lấy bảy báu đầy khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới đem bố thí ... cho đến vì người khác mà diễn nói v.v...!” “Vì người khác giảng nói”, là đối với hai đế, có cái có thể đạt được và không có gì có thể đạt được. Đem chánh lý và pháp thiện, mà giảng nói không điên đảo, sai lầm; thì phước này hơn phước bố thí trước”.

Còn vô lượng A tăng kỳ, tức là sự suy lường của tâm trí, khi không thể tính lường được. Cả sáu mươi đơn vị tính, cũng không thể nào bằng được một A tăng kỳ vậy.

“Tu phước đức, tức chẳng phải tụ phước đức”, nghĩa là số của cải châu báu đem cho tuy nhiều, nhưng so với phước trì kinh thì quá ít. Phước trì kinh mà được có nhiều, là do hai thứ (môn) tạo nên, đó là giáo và lý.

Giáo là gì? Như có kinh nói: Trong các pháp bố thí, Pháp thí là cao quý nhất. Nay bố thí châu báu, thì chỉ thuộc Tài thí.

Còn Lý là sao? Nghĩa là: Tài thí thì có được quả báo giàu sang,

nhưng vẫn còn ở trong sinh tử, bị vô thường phá hoại. Còn Pháp thí, có thể tạo nên các công đức tốt ráo, dứt tất cả nhân khổ của sinh tử. Như Kinh nói: “Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ kinh này mà ra, chư Phật Như Lai cũng từ kinh này mà sinh”. Thế nào là xuất và sinh? Tức là y theo pháp môn này, mà tâm không có gì có thể được để chứng diệu lý Bồ đề Vô sinh.

Còn nói nghĩa các pháp không sinh, tức là nói về luật nghi (giới luật), vì từ đó mà sinh ra vô số thân phước đức. Do có thân tướng luật nghi; các hạnh nghiệp vẹn toàn, sẽ sinh ra Hóa thân Phật. Vả lại, do nghĩa nào? tức là bố thí chỉ được quả vị có nhiều tiền của. Vì đó chẳng phải là nhân của chư Phật.

Kinh nói: “Phật pháp đó, tức chẳng phải Phật pháp, ấy gọi là Phật pháp” Nghĩa ấy là sao? Thể tánh các pháp là rỗng không, không có gì là có. Đấy là làm sáng tỏ Pháp thân Phật. Người thấy có là chưa ngộ pháp.

Nương theo mật ý này mà nói là chẳng phải Phật pháp. Nếu biết được pháp là không có tự tánh, giác ngộ đó gọi là Phật, thì pháp này Phật có người khác không có, đó là Phật pháp. Do thọ trì chánh pháp, hiểu được pháp không có tự tánh, mà thực hành Tài thí, nếu cũng như thế mà làm việc Pháp thí thì phước sẽ rất nhiều. Đó là nghĩa này vậy.

Lại có nghi: Nếu tánh của pháp sở chứng là không có, thì bốn Thánh quả làm sao mà thành? Chẳng thấy trong thế gian này, không có vật mà có quả bao giờ! Để dẹp nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người Tu-đà-hoàn có nghĩ là mình được quả Tu-đà-hoàn không? Tu-bồ-đề thưa không, Bạch Thế Tôn! v.v...”

Vì sao gọi là Tu-đà-hoàn? Vì được vào dòng “Vô đắc. Thế nào là Vô đắc? Tức là đối với sắc v.v.. cho đến các cảnh, đều không thủ đắc. Đạt mười lăm niệm, là vị Kiến đạo. Nhân đây hưởng đến quả, nên gọi là Hưởng (Tu-đà-hoàn Hưởng). Đến niệm thứ mười sáu thì nói là trụ quả. Người và Trời, hai loại khác nhau, còn bảy lần sinh trở lạ hai nơi này. Vì sao còn bảy lần sinh? Vì còn sót bảy kết chưa trừ. Bảy Kết là gì? Là tham dục, sân giận, ái sắc, ái vô sắc, trạo cử, mạn và vô minh. Từ đây lại đoạn các hoặc do Tu đạo trong Dục giới cho đến phẩm thứ năm, thì gọi là Tư-đà-hàm Hưởng. Trong đấy có nói hai thứ Gia gia, tức là Trời và Người. Trời gia gia, tức là ở cõi Trời, hoặc một cõi, hoặc hai, ba cõi. Sau đó, lưu chuyển đổi đời mà nhập Niết-bàn. Còn Nhân gia gia, tức là ở cõi Người, hoặc ở châu này hay các châu khác. Các cảnh sống này, lưu chuyển nhập Niết-bàn. Hết phẩm thứ sáu gọi là trụ ở quả này,

và còn một lần sinh trở lại ở cõi thế gian. Như thế, lần lượt dứt hết hai phẩm và một kiếp nữa, làm gián đoạn, rồi nhập Niết-bàn. Đây gọi là A-na-hàm Hưởng. Khi lìa hẳn chín phẩm, gọi là trụ ở quả này và không còn sinh lại cõi dục giới nữa. Như thế, lại dứt hết cái dục ở bậc sơ thiền, cho đến phẩm thứ chín đoạn vô gián của Hữu Đảnh, khi đó, tất cả đều gọi là A-la-hán Hưởng. Đạo Vô gián ở đây, cũng gọi là Định Kim Cang Dự. Vì có thể dứt hẳn các hoặc, tùy miên và đạt đến đạo giải thoát, nên gọi là Tận trí, cùng với quả lậu tận được sinh ra ngay lúc ấy. Như thế gọi là trụ quả A-la-hán. Ở quả vị, này ứng làm lợi ích cho mình và người khác, do đó, được tất cả những kẻ còn tham lam mê đắm quả báo đến cúng dường. Như thế, là cả bốn bậc này, đều không nghĩ mình đã được chứng quả. Vì sao? Vì khi chứng, thì không có gì là chứng được...

Như kinh nói: “Thật không có pháp nào, gọi là Tu-đà-hoàn, cho đến thật không có pháp nào gọi là A-la-hán”.

Vì sao không muốn có ý nghĩ, được chứng quả vậy? - Vì nếu ý niệm ấy sinh ra là có chấp lấy ngã. Người lìa bỏ thân kiến thì không có chấp ấy. Thế cho nên, trước đã nói, nhờ tướng Vô vi mà gọi tên là Thánh nhân. Tướng vô vi có nghĩa là tướng của tánh không. Trưởng lão Tu-bồ-đề nói mình không có ý nghĩ là đã chứng đắc. Trưởng lão nói: “Như Lai nói con đã được hạnh Vô tránh đệ nhất, và con là A-la-hán ly dục, nhưng con chẳng nghĩ như thế bao giờ v.v... Nói vậy nghĩa là gì? Nếu Tôn giả Tu-bồ-đề tu hạnh Vô tránh, chẳng ngộ được lý tức không, vì sao Như Lai lại khen là đệ nhất? Nói đệ nhất, ý nói là đã ngộ Lý tức không vậy. Như kinh nói: “Vì Tu-bồ-đề thật sự không có gì là thực hành cả. Tránh là sao? Đó tức là phiền não. Lìa phiền não, gọi là Định Vô tránh. Thầy Tu-bồ-đề trụ ở định này, các chướng và tránh đều không có. Theo thế tục mà nói, thì hạnh Vô tránh là hạnh không tranh giành, tranh cãi cùng ai.

Lại có nghi: Nếu hàng Dự lưu, chẳng chứng được quả của mình, thì tại sao lại nói: Thế Tôn gặp Phật Nhiên Đăng được Vô sinh nhẫn? Để dẹp nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai thuở xưa, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, có pháp nào có thể giữ lấy không? Thầy Tu-bồ-đề đáp: Thưa không, Bạch Thế Tôn!” Đây chỉ rõ nghĩa gì? Tức muốn nói, ngày xưa khi gặp Phật Nhiên Đăng, thì Phật đã chứng ngộ vô sinh, nên không có pháp nào, có thể giữ lấy. Nói đã được Nhẫn vô sinh, tức là vì Tục đế. Như nói chứng được quả Bồ đề, tức là quả không có gì có thể được.

Lại có kinh nói: Này Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi! Ta ngồi ở đạo tràng

đây, từ không thủ đắc mà khởi lên đạo tràng Kim Cang này. Kinh còn nói: Các pháp Ta có đều không thể đạt được, kể cả Thanh văn, Độc Giác cho đến Như Lai.

Hoặc nói: “Ngôn ngữ không thể giữ lấy pháp chứng đắc, chẳng phải trí, thì không thể giữ lấy” Câu nói này trái ý kinh? Vì kinh nói: “Đệ nhất nghĩa, cũng không phải là chỗ vận hành của trí hướng là văn tự chữ nghĩa. Lại nữa, cảnh biết được (sở tri) của trí, gọi là cảnh sở thuyên, tức giáo pháp. Đây là hai loại khác nhau. Sở chứng của trí, thì danh tự vốn chẳng thể vận hành, thì nghĩa gì cần nói: “Chẳng nên giữ lấy”. Đây hoặc là nói quá giản lược, nên cần phải nói cho đầy đủ, tức là cả các phần của thân thể v.v... cũng không thể giữ lấy.

Lại trong các kinh khác, Thế Tôn tự giải thích: “Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Ta đạt được Vô sinh trí, nên đối với pháp, chẳng có chấp lấy”.

- Như kinh ấy có nói: Nay Hải Huệ! Nên biết: Có bốn thứ Bồ-tát; đó là Bồ-tát mới phát tâm, Bồ-tát tu hành, Bồ-tát chẳng thối chuyển và Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ. Trong đó, Bồ-tát mới phát tâm còn thấy sắc tướng của Như Lai. Bồ-tát tu hành còn thấy công đức thành tựu của Như Lai. Bồ-tát bất thối chuyển còn thấy được pháp thân của Như Lai. Nay Hải Huệ! Còn Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ thì chẳng thấy sắc tướng, không thấy công đức thành tựu, không thấy pháp thân. Vì sao? Vì Bồ-tát đó đã dùng Tuệ nhãn thanh tịnh mà quán sát. Nướng vào trí tuệ thanh tịnh mà trụ, nướng vào trí tuệ thanh tịnh mà tu các hạnh. Trí tuệ thanh tịnh là không có gì vận hành, chẳng pháp hý luận, không còn các sự thấy ấy (kiến chấp). Vì sao thế? Vì thấy và chẳng thấy là hai phía. Nếu lìa cả hai bên này thì là thấy Phật. Nếu thấy được Phật, tức là thấy được tự thân của mình. Thấy thân thanh tịnh thì thấy Phật thanh tịnh.

Thấy Phật thanh tịnh, là thấy tất cả pháp thấy đều thanh tịnh. Trong đó, trí thấy thanh tịnh, cũng phải thanh tịnh nữa, thì đó gọi là thấy Phật. Nay Hải Huệ! Ở chỗ Phật Nhiên Đăng. Ta thấy như thế, nên được Nhãn Vô Sinh, chứng lý Vô đắc, Vô sở đắc. Ngay lúc ấy, Ta bay vút lên khoảng không, cao đến bảy cây Đa-la, Trí Nhất Thiết Trí đều sáng rõ, hiểu biết khắp tất cả. Khi đó, mọi loại thấy đều dứt hết, vượt lên trên mọi phân biệt; như phân biệt về khác nhau, phân biệt về biến khắp, chẳng trụ vào cảnh giới của tất cả thức, đạt được sáu vạn pháp Tam Muội. Đức Phật Nhiên Đăng liền thọ ký cho Ta: “Ở đời vị lai, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.” Tiếng (lời) thọ ký ấy chẳng đến tai ta, cũng chẳng phải đó là sự hiểu biết của các trí khác, lại cũng không phải lúc ấy ta mê mờ hồ đồ chẳng biết chi... Song, rõ ràng

lúc này là không có gì là được cả, mà cũng không có ý tưởng gì về Phật, không có tưởng về ta, không có tưởng về sự thọ ký và lời thọ ký, cho đến nói rộng... Nói “không tưởng”, đó là chỉ bày sự chứng trí, không có gì có thể giữ lấy. “Tưởng”, tức là các tâm pháp, chứ chẳng phải lời nói. Nên biết, đây là nói các cảnh của trí. Thế nên, nói dùng Tuệ nhãn thanh tịnh mà quán sát là vậy.

Còn về “Vô sinh nhẫn”, tức là tâm pháp, chẳng phải là pháp ngôn thuyết. Lại nữa, chứng cái vô đắc, Vô sở đắc, là vì với các pháp, tánh là không, không thể chấp lấy được, cái lý “không được” ở đây lại còn có thể được sao? Đều không có gì là được cả, thì lẽ nào trí có thể giữ lấy! Và lại, đã đoạn dứt các loại thấy, vượt lên trên mọi thấy phân biệt, mọi pháp trí phân biệt chẳng phải ngôn thuyết. Lại nữa, chẳng trụ vào cảnh giới của tất cả thức, cũng không nói, không trụ vào cảnh của tất cả ngữ ngôn, không có cái gì có thể giữ lấy là cảnh giới của trí. Vậy tại sao các sư khác lại nhất định bảo, đó là lời khuyên ngăn?

Lại có nghi: - Nếu trí cũng không thể giữ lấy các pháp của chư Phật, thì làm thế nào, các Bồ-tát dùng được trí để giữ lấy các công đức của cõi Phật, để phát khởi thệ nguyện? Để trừ nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói là mình có thành tựu trang nghiêm cõi Phật, thì người ấy chẳng nói thực v.v... Các thứ vật dụng, châu báu, đẹp đẽ, kỳ lạ, làm vui lòng người, gọi là trang nghiêm, nó có thể tướng màu sắc; tính chất, v.v.. Đối với Đệ nhất nghĩa thì không thể có được. Cho nên nói “chẳng phải là trang nghiêm”. Mà theo Tục đế, dùng trí thành tựu “gọi đó là trang nghiêm”. “Bồ-tát nên như thế mà không sinh”, tức là đã có tâm trụ vào đó, cho là mình đã làm, mình đã thành tựu... các trụ tâm như thế, không nên khởi lên.

“Chẳng nên trụ vào sắc, thanh v.v... mà sinh tâm”; tức là đối với sắc, thanh v.v... thì đừng nên mong cầu quả báo của nó.

“Nên không có gì trú vào mà sinh tâm”, là vì trí thành tựu mà chẳng trụ. Nên sinh tâm như thế.

Lại có nghi: Nếu chẳng giữ lấy tất cả pháp, thì làm sao chư Phật lại giữ lấy thân tự tại đầy khắp mọi nơi? Để dẹp nghi này, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu như có người, thân lớn như núi chúa Tu-di v.v... Dụ này, trình bày sự giống nhau về thân tự tại. Nghĩa nó là thế nào? Tức là núi Tu-di kia, là do các lực cộng nghiệp tạo nên, tuy không có phân biệt, nhưng vẫn có hình thể rất to lớn. Như Lai cũng vậy, trải qua vô lượng kiếp, tu các hạnh nghiệp phước đức, đều có được thân to lớn, nhưng không phải do phân biệt mà có.

Lại hỏi: Tại sao Như Lai lại đồng với sự không phân biệt của núi Tu-di? Theo Đệ nhất nghĩa thì núi và sắc thân không có thể tánh, và hình tướng ấy đều là hữu vi cả. Như kinh nói: “Vì sao? Vì Phật nói chẳng phải thân, ấy tức là thân”, tức chẳng phải gọi cái có thân đó, bảo là thân to lớn.

Tiếp, vì chỉ rõ việc thọ trì chánh pháp sẽ được nhiều phước, nên ở đây nói lại thí dụ. Kinh nói: “Như trong sông Hằng, có bao nhiêu cát, và có bao nhiêu sông Hằng, bằng số cát ấy. Thầy nghĩ sao? Số cát trong tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không? v.v...”

Dụ về cái lớn hơn này, tại sao không nêu ra trước?

Là vì, các chúng phàm phu, chưa thấy được pháp chơn thực, cho nên phải nói nhiều, nói rộng, cho những kẻ chưa sinh lòng tin hiểu, dần dần nghe biết và hiểu, rồi mới sinh lòng tin tưởng.

Tiếp nói do thọ trì kinh mà có nhiều phước, là do mười ba thứ nhân duyên mà được thành tựu. Đó là:

1. Nơi chốn trì kinh được tôn quý .
2. Người trì kinh được tôn kính.
3. Nhân là quý hơn tất cả.
4. Nghĩa của nó cao tột nhất.
5. Là vượt hơn nhiều việc bố thí trong ngoài (nội tài, ngoại tài).
6. Là hơn nhân về sắc tướng của Phật.
7. Là hơn phước bố thí thân mạng (nội tài).
8. Giống như Phật ra đời.
9. Là hiếm được tin hiểu.
10. Là khó có người tu hành.
11. Là Tín tu thì được quả lớn.
12. Là sự tin hiểu thành tựu.
13. Là oai lực cao tột...

Vì sao đức Thế Tôn ân cần nói các tướng nhân đó?

Là vì các chúng sinh, thường ham bố thí tiền của, để mong được quả báo giàu sang mà chẳng thọ trì chánh pháp, để đoạn dứt các nhân khổ. “Về nơi chỗ được tôn quý”, kinh có nói: Này Tu-bồ-đề! Ở những nơi chốn nào, có nói giảng pháp môn này, dù chỉ là một bài tụng có bốn câu, nên biết, chỗ đó, tức là Tháp miếu Phật.

Người được tôn sùng quý kính, kinh nói: “Phải biết người ấy, đã thành tựu pháp hiếm có cao quý nhất.”

-“Nhân quý hơn tất cả”, kinh nói: “Pháp môn này, sẽ gọi tên gì ... đến... gọi là Bát-nhã Ba-la-mật vv...”

Nghĩa này thế nào? Vì chư Phật, Bồ-tát nhờ pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật ấy mà được hiểu biết sự cao tột hơn hết cả thế gian và xuất thế gian. Nay pháp môn này, cũng dạy như thế. Làm sao biết được? Như kinh nói: “Tức chẳng phải là Ba-la-mật”. Vậy là sao? Vì công đức của trí tuệ Ba-la-mật thì không thể suy lường được.

Lại còn, “chẳng phải là Bỉ Ngạn (Ba-la-mật), nghĩa là pháp trí của ba cõi có thể suy lường mà biết, nhưng không bền chắc, còn bốn tánh của Đệ nhất nghĩa là vô sanh, nên mới nói chẳng phải là Ba-la-mật.

Nghĩa ấy là cao tột. Tức là nghĩa lý như thế, không còn nghĩa nào cao hơn nữa. Như kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có nói pháp không?” Nghĩa này thế nào? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp nào có thể giữ lấy được. Thế nên Như Lai cũng chẳng thể dùng văn tự mà nói, chỉ có phân lượng, gọi là Bồ ĐỀ. Như có kinh nói: Vết chim bay qua bầu trời, làm sao nắm bắt được? Tánh Bồ ĐỀ cũng như thế. Nói “Bồ-tát” là hiểu biết rõ ràng về vô đắc.

Vượt hơn tài thí nhiều”, kinh nói: Có bao nhiêu bụi li ti trong cả ba ngàn đại thiên thế giới, số bụi li ti ấy có nhiều không? v.v... Đấy là nêu số bụi li ti trong đại thiên thế giới là rất nhiều, ý muốn đối chiếu, để chỉ rõ phước thọ trì kinh, thì số bụi li ti ấy, Như Lai nói chẳng phải là bụi li ti.

Chẳng phải bụi li ti, tức là chỉ rõ nghĩa chẳng nhiều. Nếu vì chẳng nhiều, mà gọi chẳng phải là bụi, thì tại sao lại còn gọi là bụi li ti? Ấy là tự hạn định một phần số bụi li ti của một đại thiên.

Vượt hơn nhiều việc bố thí nội tài. Kinh nói: “Có hết thủy thế giới, Như Lai nói chẳng phải là Thế giới v.v...”

Trong đấy, thế giới là chúng sinh giới, mỗi mỗi chúng sinh trong đại thiên thế giới, trong từng sát-na, thở ra hít vào số bụi li ti cũng là nhiều lắm ... tức chẳng phải thế giới v.v...là như số bụi li ti.

Hơn hơn về sắc tướng của Phật. Kinh nói: Có thể lấy ba mươi hai tướng đẹp đẽ để thấy Như Lai không? Điều này muốn nói những gì? Đấy là chỉ rõ pháp thân lấy vô tướng làm thể. Như kinh nói: “Ba mươi hai tướng, tức là chẳng phải tướng. Chẳng phải là tướng tức chẳng phải là tướng của pháp thân. Đó gọi là tướng, là tướng trượng phu của sắc thân Phật. Các phước thọ trì, là hơn của pháp thân, chẳng phải là nhân của các tướng. Thế cho nên, phước này rất cao cả và đặc biệt.

“Phước vượt hơn cả nội thí (bố thí nhân mạng)”, kinh nói: Nếu có người thiện nam tín nữ nào, lấy Hằng sa số thân mạng, đem ra bố thí ... đến ... phước đó hơn phước kia vô lượng A Tăng Kỳ”. Tức là cái hơn



của tài thí này, được đánh giá như thế nào đây! Đã bỏ thân mạng mà còn như thế, huống là chỉ Bồ thí ngoại tài, đồ vật, tiền bạc!

Thế nào gọi là “giống như Phật ra đời?” Là những kẻ phước mỏng, khó gặp Phật ra đời. Kinh này cũng vậy, người được tham dự nghe kinh này rất ít. Như kinh nói: Bấy giờ, Thầy Tu-bồ-đề, được nghe pháp môn này, nên sinh lòng tin hiểu sâu xa, liền buồn khóc, rơi lệ, Tôn giả gạt lệ, bạch Phật: Thật hiếm có! Thưa Thế Tôn! v.v...” Thầy Tu-bồ-đề là bậc A-la-hán, theo Phật mà được giác ngộ, với chánh pháp này, xưa nay còn chưa được nghe. Thế cho nên gọi là hiếm có, giống như Phật ra đời.

“Hiếm có người tin hiểu” Kinh nói: “Nếu có người được nghe kinh này, mà sinh lòng thật tưởng, phải biết, người đó đã có sự thành tựu rất cao tốt và hiếm có”.

“Thật tưởng”, nghĩa là khi được nghe pháp môn này, đó mới là nhân cho phước đức rộng lớn vô biên, lại cho đó là thật. Vả lại, việc được nghe kinh này là rất khó, giống như gặp Phật ra đời, cho đó là thật. Lại nữa, được nghe nói: Tất cả pháp vô sinh là không nắm bắt được v.v...” mà cho đó là thật... Nếu tất cả pháp là vô sinh, thì tại sao lại nói, sẽ sinh thật tưởng? Tuy là sinh thật tưởng, nhưng không hề mất vô sinh. Vì như kinh nói: “Thật tưởng đó, tức là chẳng phải tưởng”.

Thế nên cần biết sinh thật tưởng, tức là nương vào Tục đế mà nói Đệ nhất nghĩa, tức chẳng phải là thật tưởng.

Lại nữa, Tục đế gọi là thật thật tưởng, tức cái tưởng của Tục đế. Người ấy, tuy tin các pháp là vô sinh, nhưng chẳng bỏ pháp Tục đế, vì thế, nên được gọi là hiếm có cao tốt nhất.

Rất khó có người tu hành, Kinh nói: “Con nay được nghe pháp môn như thế, mà tin hiểu thọ trì, thì chẳng có khó khăn gì.

Tín tu thì được quả lớn, Kinh nói: “Các chúng sinh ấy, không có tưởng ngã, tưởng chúng sinh, tưởng mạng, tưởng chủ thể giữ lấy v.v...”. Nghĩa này thế nào? Vì đối với kinh này, tin tưởng và hành trì, thì biết rõ thân mạng này là tánh vô ngã, nên không sinh tưởng ngã. Vì sao thế? Vì có ngã để giữ lấy (sở thủ), thì từ đó sẽ sinh ra tưởng năng giữ lấy (năng thủ). Tưởng năng thủ kia là tùy thuận Tục đế mà nói, còn Đệ nhất nghĩa, thì tức là chẳng phải tưởng. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đã chứng pháp vô ngã, đã xa lìa tất cả các tướng phân biệt, nên thể tướng của chư Phật, được gọi là quả lớn.

Tin hiểu thành tựu, như kinh nói: “Nếu có người nghe kinh này, mà không kinh, không sợ, không hãi v.v...”. “Không kinh”: tức là đối với lý vô sinh của các pháp, tâm không kinh ngạc, khi hướng về đời sống

đạo. “Không sợ”, tức là đối với các pháp, không có tướng hòa hợp, thì tâm không sợ hãi. Nhưng đối với các tướng hòa hợp của thế tục, thì liên tục phân biệt và chấp cho là thật.

Còn chẳng hãi, tức là tâm không bao giờ nhất định như thế mãi.

Lại nữa, “không kinh” là lần lượt theo thứ tự, lúc nghe pháp, lúc suy nghĩ tìm hiểu và lúc tu tập thực hành, tâm luôn yên định, không hề lay động dời đổi, các tướng chúng sinh v.v... cũng đều đã lìa bỏ.

Oai lực cao tột, Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Đệ nhất Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Pháp Đệ nhất Ba-la-mật mà Như Lai nói đây, có vô lượng chư Phật, cũng nói như thế v.v...”

Vì sao nói là Đệ nhất? Vì không có ai ngang bằng. Tại sao không ngang bằng? Vì trong tất cả Phật pháp, thì pháp này là có oai lực cao tột hơn hết; vì tất cả chư Phật đều cùng diễn nói. Do có mười ba nhân duyên đó, nên phước trì kinh, phải nhiều hơn việc bố thí châu báu.

Lại có nghi: Nếu trong tất cả Phật pháp, pháp Bát-nhã Ba-la-mật là cao quý hơn hết, thì cần chi phải khổ tâm siêng tu các hạnh khác?

Vì dẹp trừ nghi này, nên phải chỉ ra pháp Bát-nhã đây đã gồm thâm các hạnh độ khác. Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói nhãn nhục Ba-la-mật, tức chẳng phải Ba-la-mật v.v...”

“Chẳng phải Ba-la-mật”, tức là đã lìa bỏ cái tâm có phân biệt này. Thế nào là không phân biệt? Kinh nói: Như Ta thuở xưa, bị vua Ca Lợi cắt rời thân thể. Ngay lúc đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng chúng sinh, không có tướng mệnh, không có tướng người giữ lấy v.v...”. Nghĩa này thế nào? Tức là nếu có ngã v.v... và các tướng, tức là thấy có mình, có người khác. Khi kẻ khác đến xâm phạm mình, ắt sẽ sinh giận dữ. Nếu nói không có tướng phân biệt thì là tâm ngu si. Khi tâm ngu si làm nhân, tức nhiên niệm giận dữ nổi lên. Còn đối với vua ấy, là ai đi nữa, cũng không cần tìm hiểu, biết tới. Vì không cần biết đến, nên chứng biết là không tướng, cũng chẳng phải không tướng.

- Không tướng, tức là không có ngã, v.v.. và các tướng, không có cái tướng về mình, về người khác, và về giận dữ ... Còn chẳng phải không tướng, tức là chẳng phải ngu si. Vì sao ngu si mà gọi là không tướng? Vì chẳng thể quán sát, xét biết, là nên làm, hay không nên làm.

Lại nữa, không tướng cũng chẳng phải không tướng, là lìa bỏ nhiễm đắm vào phân biệt tướng và không tướng. Đây đã nói khi bị ngược đãi hành hạ mà vẫn giữ gìn pháp nhãn nhục. Lại muốn trình bày thêm về sự nhiếp trì của Bát nhã trong những lúc khác nữa. Kinh nói: “Ta lại nhớ thời quá khứ, cách nay năm trăm đời, Ta làm vị Tiên nhưn tu

hạnh nhẫn nhục v.v... Đây là nói về việc xưa, khi chưa gặp vua ác Ca Lợi, đã trải qua nhiều đời, đoạn dứt ngã v.v... và các tướng. Ấy là do sức nhiếp trì của Bát-nhã. Lại muốn chỉ bày sự nhiếp trì quả Bồ ĐỀ, kinh nói: Bồ-tát nên liả tất cả tướng, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do liả các tướng, nên được đạo Bồ đề. Như nói ngôi tòa Bồ ĐỀ mà dứt hẳn tất cả các tướng.

Thế nào là liả các tướng? Kinh nói: Chẳng nên trụ vào sắc mà sinh tâm, chẳng nên trụ vào thanh-hương-vị-xúc-pháp mà sinh tâm. Nên sinh tâm không trụ vào đâu cả. Nếu sinh tâm không trụ vào đâu cả, thì làm sao trụ vào Bồ đề, mà phát tâm? Vì trụ vào Bồ đề, tức là không chỗ trụ- Như kinh nói: “Vì sao, cứ như thế mà trụ, tức là chẳng phải trụ”. Đây có nghĩa gì? “Cứ như thế mà trụ”, tức là Tục đế. “Chẳng phải trụ”, tức là Đệ nhất nghĩa.

Lại nói: “Trụ ở Bồ ĐỀ, tức là chẳng phải trụ” Như có kinh nói: Bồ ĐỀ không có chỗ trụ, thế nên chẳng phải trụ. Tức là gọi khác của trụ Bồ ĐỀ (chẳng phải trụ).

Đã nói về Bát-nhã nhiếp trì Nhẫn Nhục, còn nhiếp trì các Ba-la-mật khác, thì tướng của nó như thế nào?

Kinh nói: Thế nên Phật nói: Bồ-tát, tâm không trụ vào sắc mà bố thí, chẳng trụ vào thanh-hương-vị-xúc-pháp mà bố thí. Ba pháp bố thí gồm thâu cả sáu Ba-la-mật như trước đã nói... Năm pháp Ba-la-mật phải liả bỏ vật được thí, người thí và người nhận; đó là ba thứ phân biệt; cũng tức là tướng của Bát-nhã Ba-la-mật.

Còn gìn giữ các Ba-la-mật khác, thì nghĩa đã rõ. Như nói về năm Ba-la-mật, nếu liả Bát-nhã thì không khác chi kẻ mù mất, chẳng có người dẫn đường!

Vì để chỉ bày các phương tiện kia, nên kinh nói: “Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên như thế mà bố thí”. Hoặc có kẻ nghĩ: Nếu chẳng trụ vào pháp, mà làm việc bố thí, thì làm sao mà giúp ích cho chúng sinh được?

Thế nên kinh nói: “Tất cả tướng về chúng sinh, tức chẳng phải tướng”. Vì làm lợi ích ấy là, theo Tục đế mà nói; còn Đệ nhất nghĩa thì đó chẳng phải tướng. Vì sao?

Vì tướng về chúng sinh, thì chấp giữ các chúng sinh, cho là cùng các uẩn là khác hoặc chẳng khác v.v... còn đối với Đệ nhất nghĩa đều chẳng thể có được. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy, chẳng phải là chúng sinh”. Ở đây ý nói, phải liả bỏ hai thứ phân biệt là trí và sở tri (đối tượng nhận thức). Còn nói: “Chẳng phải tướng”, tức là chỉ rõ cái

tánh không của trí. “Chẳng phải chúng sinh”, tức là cái tánh không của sở tri. Như Lai đã biết rõ hai cái tánh không đó, nên các tướng đã dứt hẳn và chứng được tánh không.

